

Số : 30 /2001/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
Về phân chia tỷ lệ phần trăm (%) thu ngân sách
năm 2001 đối với quận - huyện, phường - xã và thị trấn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 206/2000/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2000 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2001;
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VI, kỳ họp lần thứ 4 về thu, chi ngân sách thành phố;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá thành phố tại Tờ trình số 495/TCVG-QHPX ngày 06 tháng 3 năm 2001;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định tỷ lệ phần trăm (%) để lại các khoản thu cho ngân sách quận- huyện, phường - xã và thị trấn như sau :

1. Các khoản thu 100% cho ngân sách quận- huyện, phường-xã và thị trấn bao gồm các khoản được quy định tại điều 32, khoản 1; điều 34, khoản 1; điều 37, khoản 1 của Luật Ngân sách Nhà nước và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, cụ thể :

1.1. Thuế Môn bài;

1.2. Các khoản thu phí, lệ phí từ hoạt động của các cơ quan thuộc cấp quận - huyện, phường - xã và thị trấn quản lý;

1.3 Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp của các đơn vị do quận - huyện, phường - xã và thị trấn quản lý;

1.4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận - huyện, phường - xã và thị trấn theo quy định của Pháp luật;

1.5. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận - huyện, phường - xã và thị trấn;

1.6. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;

1.7. Thu khác theo qui định của pháp luật;

1.8. Thu kết dư ngân sách quận - huyện, phường - xã và thị trấn;

1.9. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã, thị trấn, gồm các khoản thu quy định tại điều 30, khoản 2, 3, 4; điều 32, khoản 2 và điều 34, khoản 2 của Luật Ngân sách và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; cụ thể :

2.1. Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu : Phân chia cho ngân sách quận - huyện 24%; riêng quận 5 là 21%.

2.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp, Thuế nhà đất, Thuế tài nguyên, Thuế chuyển quyền sử dụng đất, Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước thu vào mặt hàng bài lá, vàng mã, hàng mã và dịch vụ kinh doanh vũ trường, mát xa, karaoke, kinh doanh gôn, bán thẻ hội viên chơi gôn, trò chơi bằng máy giắc-pốt, kinh doanh vé đặt cược đua ngựa do Chi cục Thuế quận - huyện thu : Phân chia cho ngân sách quận-huyện và phường-xã, thị trấn 100%.

Thuế chuyển quyền sử dụng đất, chỉ áp dụng đối với số thu tại các huyện và các quận 2, 7, 9, 12, Thủ Đức (không áp dụng đối với các quận nội thành do không được giao nhiệm vụ thu); tỷ lệ phân chia giữa ngân sách quận- huyện và ngân sách phường - xã, thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

2.3. Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nộp về ngân sách thành phố 100% để chi đầu tư phát triển chung của thành phố và chi đầu tư phân cấp cho quận- huyện.

2.4. Tiền thuê nhà và thu khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước là nguồn thu của ngân sách cấp thành phố theo Luật Ngân sách và được thoái trả về ngân sách quận - huyện để chi sửa chữa nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 2. Các khoản không nêu tại điều 1 của quyết định này thuộc ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố theo quy định.

Điều 3. Số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận- huyện :

1. Sau khi cân đối thu, chi ngân sách quận - huyện, số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận - huyện được phân bổ theo phụ lục đính kèm.

2. Số bổ sung từ ngân sách quận - huyện cho ngân sách phường - xã và thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2001.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Đầu tư các quận - huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 5
- Thường trực Thành Ủy
- TT/HĐND.TP
- TTUBND.TP
- Ban KT-NS/HĐND.TP
- VPUB : CPVP
- Tổ TM (2b), TH
- Lưu (TM)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Lê Thanh Hải